

Sơn Trà, ngày 11 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Các khoản thu đầu năm học 2023-2024

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính về quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ để định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh;

Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng; thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng dịch vụ giá giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Quyết định số 2404/QĐ/UBND ngày 03/5/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Về việc hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm học 2013-2024;

Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2023-2024 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Công văn số 2369/SGDDĐT-KHTC ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Về việc thực hiện các khoản thu, chế độ chính sách, giá dịch vụ và thực hiện công khai các nội dung trong năm học 2023-2024;

Công văn số 2735/UBND-PGDĐT ngày 21 tháng 8 năm 2023 về việc thực hiện các khoản thu, chế độ chính sách, giá dịch vụ và thực hiện công khai các nội dung trong năm học 2023-2024;

Công văn số 2810/UBND-PGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2023 Về việc hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và giá dịch vụ theo Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố;

Công văn số 2962/UBND-PGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2023 Về việc mức giá dịch vụ và các khoản thu năm học 2023-2024 của các trường học trên địa bàn quận;

Căn cứ biên bản họp ban đại diện cha mẹ phụ huynh học sinh năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-MNHM về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;



Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-MNHN về việc ban hành giá dịch vụ năm học 2023-2024 ngày 11 tháng 09 năm 2023.

II. NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2023-2024

1. Phần thu theo qui định

Thực hiện miễn 100% học phí theo Nghị quyết số 43/2023-NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân về hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm học 2023-2024;

2. Phần thu giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục áp dụng theo:

a) Thu tiền bán trú

- Tiền ăn: 40.000đ/1 ngày x 25 ngày = 1.000.000đ
+ Gồm: (ăn sáng và phụ phí sáng: 9.000 đồng/trẻ/ ngày, ăn chính và ăn xế + phụ phí ăn chính và ăn xế : 31.000 đồng/trẻ/ ngày)

- Thu phục vụ bán trú: Thuê người nấu ăn, quản lý buổi sáng, trưa (hỗ trợ cấp dưỡng, bồi dưỡng trực tiếp chăm ăn, trông sáng, trưa, công tác quản lý bán trú).

Số tiền 310.000 đồng/trẻ/tháng

* Trẻ đi học từ ngày 1 đến ngày 4 chỉ thu tiền ăn không thu học phí

Trẻ đi học từ ngày 5 đến ngày 8 thu 50% học phí

Trẻ đi học 9 ngày trở lên thu đủ học phí

2. Thu tiền quản lý học sinh ngoài giờ: (Do nhu cầu của phụ huynh yêu cầu nhà trường tổ chức học 3 ngày thứ Bảy trong tháng) (Bao gồm: thuê người nấu, chi lương dạy thêm, quản lý bán trú 3 ngày/tháng)

Học phí ngày thứ bảy: 165.000/1 cháu/1 tháng (3 thứ bảy)

b) Tiền mua sắm đồ dùng bán trú đầu năm học: (mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân)

- Học sinh mới: 250.000đ/cháu/năm học

- Học sinh cũ: 150.000đ/cháu/năm học

c) Tổ chức dạy các môn năng khiếu (Aerobic, Làm quen Tiếng Anh)

(Do nhu cầu của phụ huynh yêu cầu nhà trường tổ chức học năng khiếu trong tháng) (Tự nguyện)

Làm quen tiếng Anh: 60.000đ/1 trẻ/ 1 tháng

Aerobic: 60.000đ/1 trẻ/ 1 tháng

III. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH TRONG NĂM HỌC 2023-2024

1. Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập:

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

2. Đối tượng không phải đóng học phí

Theo đó, 02 đối tượng không phải đóng học phí, gồm học sinh tiểu học trường công lập và người theo học các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

3. Đối tượng được miễn đóng học phí

Bên cạnh đó, tại Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP cũng quy định 19 đối tượng được miễn học phí gồm:

- Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng là trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền được miễn học phí từ năm học 2024 - 2025 (được hưởng từ ngày 1/9/2024).

- Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

- Học sinh trung học cơ sở ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền được miễn học phí từ năm học 2022-2023 (được hưởng từ ngày 01/9/2022).

- Học sinh trung học cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 Điều này được miễn học phí từ năm học 2025 - 2026 (được hưởng từ ngày 01/9/2025).

- Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên) theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, khoa dự bị đại học.

- Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Sinh viên học chuyên ngành Mác-Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh học một trong các chuyên ngành Lao, Phong, Tâm thần, Giám định pháp Y, Pháp y tâm thần và Giải phẫu bệnh tại các cơ sở đào tạo nhân lực y tế công lập theo chỉ tiêu đặt hàng của Nhà nước.

- Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ) ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

- Người học thuộc các đối tượng của các chương trình, đề án được miễn học phí theo quy định của Chính phủ.

- Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp.

- Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định.

- Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các ngành, nghề chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định.

4. Đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí

- Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm: học sinh, sinh viên học các ngành nghề thuật truyền thống và đặc thù trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, tự thực có đào tạo về văn hóa - nghệ thuật bao gồm: Nhạc công kịch hát dân tộc, nhạc công truyền thống Huế, đờn ca tài tử Nam Bộ, diễn viên sân khấu kịch hát, nghệ thuật biểu diễn dân ca, nghệ thuật ca trù, nghệ thuật bài chòi, biểu diễn nhạc cụ truyền thống; học sinh, sinh viên học các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm: trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên; trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối tượng được hỗ trợ tiền đóng học phí: Học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tự thực ở địa bàn không đủ trường công lập được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí.

5. Đối tượng không thu học phí có thời hạn

Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố; tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, vùng xảy ra các sự kiện bất khả kháng.

6. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông bị khuyết tật.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng biển ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Mức hỗ trợ: 150.000đồng/ cháu/ tháng để mua sách vở và các đồ dùng học tập khác.

- Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng / năm học và được thực hiện chi trả 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.

Đối tượng: Áp dụng cho trẻ 3 tuổi, 4 tuổi, 5 tuổi

Hồ sơ:

- Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận hộ nghèo theo đúng mẫu của Sở LĐTB&XH Thành phố.

- Bản sao chứng thực giấy khai sinh của trẻ

- Căn cước công dân của bố hoặc mẹ.

5. Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo:



a) Đối tượng áp dụng: theo Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐCP. Áp dụng cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi và phải là cận nghèo Trung ương.

b) Mức hỗ trợ: hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng.

c) Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

d) Hồ sơ: theo Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP Riêng đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận hộ nghèo theo đúng mẫu của Sở LĐTB&XH Thành phố.

- Bản sao chứng thực giấy khai sinh của trẻ

- Căn cước công dân của bố hoặc mẹ.

đ) Trình tự và thời gian thực hiện: theo Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

e) Phương thức thực hiện: theo Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Việc chi trả kinh phí hỗ trợ ăn trưa được thực hiện 2 lần trong năm học:

- Học kỳ I chi trả đủ các tháng thực học từ tháng 9 đến tháng 12 vào tháng 11 hoặc tháng 12 hằng năm,

- Học kỳ II chi trả đủ các tháng thực học còn lại vào tháng 3 hoặc tháng 4 hằng năm.

IV. HÌNH THỨC NỘP TIỀN

- Phương thức thu: Tiền mặt / chuyển khoản

* Nộp chuyển khoản

+ Khách hàng thụ hưởng: **Trường mầm non Hoà Mỹ**

+ Số tài khoản: **040.097.439.097**

+ Ngân hàng: **Sacombank, chi nhánh Đà Nẵng**

+ Số tiền nộp:.....

+ Nội dung chuyển khoản: **Họ và tên học sinh và lớp, nộp tiền.....**

* Nộp tiền mặt

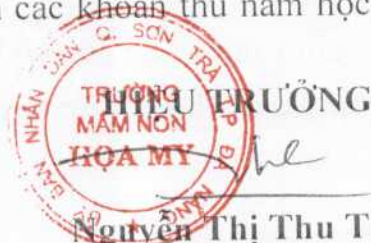
Nhà trường hạn chế thu tiền mặt, chỉ thu tiền mặt đối với những phụ huynh không có tài khoản cá nhân tại ngân hàng.

Lưu ý: Phụ huynh chuyển khoản đúng số tiền học mà nhà trường thông báo về tài khoản nhà trường. Tuyệt đối không chuyển các khoản tiền ngoài quy định về tài khoản nhà trường.

Trên đây là Thông báo thực hiện các khoản thu năm học 2023-2024 của Trường Mầm non Hoà Mỹ./.

Nơi nhận:

- UBND Phường Nại Hiên Đông;
- Phòng GD&ĐT Sơn Trà;
- Lưu: VT.


TRƯỜNG MẦM NON HÒA MỸ
Nguyễn Thị Thu Thảo